TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **164**/2018/HC-PT
Ngày 11-10-2018
V/v: "*Khiếu kiện Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Bà **Lê Thúy Cầu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 32/2017/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2017, về việc: "*Khiếu kiện Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*". Do bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 02/8//2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32B/2018/QĐXXPT-HC ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Kim N**; địa chỉ: 50 C, khóm D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng P**; địa chỉ: 50 C, khóm D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (*Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2016*)- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông **Nguyễn Hà L**- Luật sư Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội)- Có mặt.

2. Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân thành phố N**; địa chỉ: N, Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Lê Hữu T** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N là người đại diện theo pháp luật của UBND thành phố N.

Người đại diện ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Lê Huy T**- Phó chủ tịch UBND thành phố N- Có đơn xin xét xử vắng mặt (*Văn bản ủy quyền và đơn ngày 30/11/2017*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Hồ Thị H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên môi trường, có mặt.

- Bà Nguyễn Diệu H – Nhân viên phòng Tài nguyên môi trường, có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q – Phó phụ trách phòng Kế hoạch – Tổng hợp, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Cháu **Trần Vĩnh K**, sinh ngày 27/12/2008; địa chỉ: 50 C, khóm D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa- Vắng mặt.;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị Kim N**; địa chỉ: 50 C, khóm D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Vĩnh Kha- Có mặt.;

Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng P**; địa chỉ: 50 C, khóm D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim N (*Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2016*)- Có mặt..

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 19/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 3594/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim N đang sử dụng để thực hiện dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (*Khu dân cư C, phường X*) và Quyết định số 3628/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim N có đất bị thu hồi thuộc dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái (*Khu dân cư C, phường X, thành phố N*).

Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2016, bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu hủy Quyết định số 3594/QĐ-UBND và Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND thành phố N, với lý do:

UBND thành phố N thu hồi đất của gia đình bà N để sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại của nhà đầu tư S - N nhưng lại ra quyết định số 3594/QĐ-

UBND ngày 19/8/2016 thu hồi đất vì lợi ích công cộng, phát triển kinh tế, xã hội dẫn đến áp dụng phương án bồi thường, hỗ trợ (*theo quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016*) không phù hợp, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà N.

Tại các Văn bản gửi Tòa án, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày:

Dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N được triển khai thực hiện theo Thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, Khu dân cư C là một tiểu dự án thuộc dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư theo Quyết định số 1853/QĐ-UB ngày 31/10/2006.

Căn cứ Quyết định 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch Chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N, Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư: Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2006 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư: Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa là trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Luật Đất đai.

Thửa đất số 261, tờ bản đồ 7D-I-A-b do Công ty Địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11/1998, được Sở Địa chính Khánh Hòa xác nhận tháng 6/2001 (*tương ứng thửa đất số 263 tờ bản đồ số 4, bản đồ hiện trạng khu đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa thiết lập ngày 19/12/2013*) trong đó có 41,4m^2 do bà Nguyễn Thị Kim N sử dụng (*thuộc một phần thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính phường X được thiết lập năm 2004*) nằm trong dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (*theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa*).

Ngày 30/12/2015, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư tiến hành kiểm đếm khối lượng bồi thường, giải tỏa.

Ngày 07/4/2016, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư tiến hành họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 11 trường hợp (*trong đó có bà Nguyễn Thị Kim N*).

Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*có trường hợp của bà N*) được niêm yết tại trụ sở UBND phường X từ ngày 26/4/2016 đến ngày 16/5/2016.

Căn cứ Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa, điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74 Luật đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 6, Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông báo số 197/TB-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, ngày 19/8/2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3594/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (thuộc thửa số 263 tờ bản đồ số 4 với diện tích đất 41,4m^2) đối với bà Nguyễn Thị Kim N là đúng pháp luật.

Phần đất bà N bị thu hồi không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên UBND thành phố N xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất trên cơ sở xác nhận của UBND phường X làm căn cứ phê duyệt bồi thường. Theo đó, phần đất bà N sử dụng có nguồn gốc được cha mẹ là ông Nguyễn Văn Ghi và bà Nguyễn Thị Lời tặng cho, trong đó có 24,5m^2 được sử dụng từ năm 1975, 16,9m^2 được sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004.

UBND thành phố N đã căn cứ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai và giá đất cụ thể tại Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 để ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 đối với bà Nguyễn Thị Kim N.

Với nội dung nêu trên, Bản án Hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91, 114 và Điều 146 Luật Đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, các Điều 6, 13, 19 và Điều 25 Nghị định của Chính phủ số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3594/QĐ-UBND và Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/8/2017, bà Nguyễn Thị Kim N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, nhận định và quyết định không phù hợp thực tế và không khách quan nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kim N không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp

hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N về diện tích 16,9m^2 và sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện ngày 26/8/2016 và trình bày của đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim N tại cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm cho rằng: UBND thành phố N thu hồi đất của gia đình bà N để sử dụng vào mục đích kinh doanh nhà ở của nhà đầu tư là Công ty Cổ phần S - N nhưng lại ra quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích công cộng và việc xác định mục đích thu hồi đất vì lợi ích công cộng nên Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 không phù hợp, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà N. Cho nên, bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu hủy Quyết định số 3594/QĐ-UBND và Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND thành phố N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N:

[2.1] Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim N và người bảo vệ quyền lợi cho bà Nguyễn Thị Kim N và Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim N, Quyết định số 3628/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim N thể hiện: Diện tích 41,4m^2 do hộ bà Nguyễn Thị Kim N sử dụng thuộc thửa đất số 261, tờ bản đồ 7D-I-A-b do Công ty Địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11/1998 (*được Sở Địa chính Khánh Hòa xác nhận tháng 6/2001*) nằm trong dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (*Khu dân cư C, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa*).

[2.2] Dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (*Khu dân cư C, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa*) được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 724/CP-CN ngày 30/5/2003: "*Chấp thuận về chủ trương đầu tư dự án chỉnh trang đô thị, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng và xây dựng khu tái định cư hai bên bờ sông Cái thành phố N, tỉnh Khánh Hòa như đề nghị của UBND Tỉnh Khánh Hòa và ý kiến của các Bộ...*".

Trên cơ sở Công văn số 724/CP-CN của Chính phủ nêu trên, UBND tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành thực hiện dự án và ban hành các quyết định:

+ Quyết định 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 phê duyệt Quy hoạch Chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N. Mục đích quy hoạch: "*Xây dựng khu dân cư hiện đại, đảm bảo môi trường sống và cảnh quan đô thị bên bờ sông Cái, thành phố N*"

+ Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư: Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa. Mục tiêu đầu tư: "- *Chỉnh trang đô thị, tái định cư nhân dân hai bên bờ sông Cái, cải tạo cảnh quan phù hợp với một thành phố du lịch- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực sông Cái- Cải thiện khả năng thoát lũ cửa sông Cái*"

+ Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2006 về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa. Nội dung: *Điều chỉnh dự án gồm 16 tiểu dự án và thực hiện các tiểu dự án theo từng giai đoạn thời gian từ năm 2005*. Bao gồm: **Các tiểu dự án kè, bờ đê, làm đường hai bên bờ sông Cái; xây dựng hạ tầng đô thị, cầu và xây dựng khu dân cư, chung cư C, Ngọc Sơn.**

+ Quyết định số 2500/QĐ-UB ngày 06/8/2003 về việc thu hồi đất và thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 về việc giải tỏa để thực hiện dự án.

+ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 về việc điều chỉnh Điều I Quyết định thu hồi đất số 2500 ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa để thực hiện dự án (***điều chỉnh thu hồi đất tăng thêm 24.682,6 m^2***).

Như vậy, với các quy định của pháp luật tại thời điểm xây dựng, phê duyệt dự án và mục tiêu của dự án: "- *Chỉnh trang đô thị, tái định cư nhân dân hai bên bờ sông Cái, cải tạo cảnh quan phù hợp với một thành phố du lịch- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực sông Cái- Cải thiện khả năng thoát lũ cửa sông Cái*" nêu trên, UBND thành phố N xác định thu hồi đất là để sử dụng vào mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng là đúng theo quy định tại Điều 86 Luật đất đai năm 2003 và điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[2.3] Quá trình thực hiện dự án này, UBND tỉnh Khánh Hòa đã thống nhất cho Công ty Cổ phần S - N thực hiện tiểu dự án xây dựng khu dân cư C theo thông báo số 509/TB-UBND ngày 29/11/2007, văn bản số 4721/UBND ngày 11/9/2009, văn bản số 4668/UBND-XDNĐ ngày 06/9/2011, văn bản số 5436/UBND-XDNĐ ngày 01/10/2012, Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 và Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06/11/2014.

Khu dân cư C, phường X, thành phố N là một tiểu dự án nằm trong dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N đã được Chính phủ chấp thuận và được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt dự án theo đúng

quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật đất đai năm 2003 và sau khi dự án được quy hoạch, phê duyệt UBND tỉnh Khánh Hòa đã thống nhất cho Công ty Cổ phần S - N thực hiện tiểu dự án xây dựng khu dân cư C theo quy định tại khoản 3 Điều 86 Luật đất đai năm 2003: *"3. Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức việc lập và giao cho tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư để chỉnh trang hoặc xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới..."*. Mặt khác, dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N của UBND tỉnh Khánh Hòa đã được phê duyệt, thông báo và đang thực hiện trước ngày 01/7/2014 (*ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành*) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 5 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N của UBND tỉnh Khánh Hòa được tiếp tục thực hiện. Do đó, khởi kiện của bà N cho rằng việc thu hồi đất của gia đình bà để sử dụng vào mục đích kinh doanh nhà ở của nhà đầu tư là Công ty Cổ phần S - N không có căn cứ chấp nhận.

[3] Người bảo vệ quyền lợi cho bà Nguyễn Thị Kim N cho rằng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 36: "*Sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn*" của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 đã bị Điều 67 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ bãi bỏ nên việc thu hồi đất của UBND thành phố N với lý do sử dụng vào mục đích quốc gia, lợi ích công cộng là không đúng. Bên cạnh đó, khoản 7 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 4 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ không cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ mục đích quốc gia, lợi ích công cộng sang mục đích kinh doanh nhà ở, đất ở nhưng UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho Công ty Cổ phần S - N kinh doanh nhà ở, đất ở là trái pháp luật. HĐXX cấp phúc thẩm thấy ý kiến nêu trên của người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận, vì lẽ:

+ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ có hiệu lực thi hành sau khi UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 phê duyệt Quy hoạch Chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N, Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư: Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2006 về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, Quyết định số 2500/QĐ-UB ngày 06/8/2003 về việc thu hồi đất và thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 về việc giải tỏa để thực hiện dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N.

+ Diện tích đất của hộ bà N bị thu hồi 41,4 m^2 không nằm trong diện tích *tăng thêm 24.682,6 m^2* theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa và như nhận định ở phần trên, dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N của UBND tỉnh Khánh Hòa được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N đã được Chính phủ chấp thuận và được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, với mục đích "*Chỉnh trang đô thị, tái định cư nhân dân hai bên bờ sông Cái, cải tạo cảnh quan phù hợp với một thành phố du lịch- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực sông Cái- Cải thiện khả năng thoát lũ cửa sông Cái*" là để sử dụng vào mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng; Khu dân cư C, phường X, thành phố N là một tiểu dự án nằm trong dự án này nên UBND tỉnh Khánh Hòa triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt, không phải chuyển mục đích từ: "*mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng*" sang mục đích: "*kinh doanh nhà ở, đất ở*" như ý kiến của người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện.

[4] Trước khi UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3594/QĐ-UBND và số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Thông báo về việc thu hồi đất số 284/TB-UB ngày 01/7/2003, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư. Vì vậy, việc ban hành các Quyết định số 3594/QĐ-UBND và số 3628/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND thành phố N là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013 và phù hợp với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giá bồi thường theo quy định tại các Điều 6, 13, 19, 20, 21, 22, 23 và Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là đúng với quy định của các Điều 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Kháng cáo còn cho rằng UBND thành phố N xác định diện tích đất 16,9m^2 sử dụng sau ngày 15/10/1993 là không đúng thực tế sử dụng đất; thấy rằng: Diện tích đất 16,9m^2 gắn liền với diện tích đất 24,5m^2 bị thu hồi nhưng thể hiện tại hồ sơ địa chính thì diện tích đất 16,9m^2 không nằm trong cùng thửa đất có diện tích 24,5m^2; Diện tích đất 24,5m^2 của gia đình bà N có nguồn gốc của ông G là cha bà N cho bà N và tại đơn xin tách thửa bà N cũng chỉ xin tách thửa diện tích này; bà N cũng không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc diện tích đất 16,9m^2 được khai hoang sử dụng ổn định từ trước năm 1975. Do đó, trên cơ sở hồ sơ địa chính và xác nhận của UBND phường X, UBND thành phố N xác định diện tích đất 16,9m^2 sử dụng sau ngày 15/10/1993 để tính giá trị bồi thường là có căn cứ. Hơn nữa, phần diện tích đất thu hồi của gia đình bà N chỉ với 41,4m^2, bà N không có giấy tờ theo quy định của pháp luật và sau khi thu hồi đất thì UBND thành phố N đã bố trí tái định cư cho gia đình bà N 01 lô đất có diện tích 47,50m^2 (*Quyết*

định giao đất số 3618/QĐ-UBND ngày 19/8/2016), không theo giá thị trường mà theo giá quy định của UBND tỉnh Khánh Hòa (*Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03/4/2015*) là đã đảm bảo quyền lợi của gia đình bà N.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91, 114 và Điều 146 Luật Đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, các Điều 6, 13, 19 và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

1. Bác yêu cầu của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3594/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim N đang sử dụng để thực hiện dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (*Khu dân cư C, phường X*) và Quyết định số 3628/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim N có đất bị thu hồi thuộc dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái (*Khu dân cư C, phường X, thành phố N*) ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 0296 ngày 30/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh